

**DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐƯA VÀO QUY HOẠCH CÁN BỘ QUẢN LÝ TẠI PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - HỌC SINH SINH VIÊN
ĐẾN NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

(Danh sách được sắp xếp theo thứ tự tỷ lệ biểu quyết của tập thể Lãnh đạo nhà trường từ cao xuống thấp đối với từng chức danh)

TT	Họ tên	Ngày/tháng/năm sinh	Ngày vào đảng	Chức vụ hiện tại	Ngạch	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tỷ lệ tham khảo tín nhiệm		Tỷ lệ biểu quyết của tập thể Lãnh đạo nhà trường	Ghi chú
										Tập thể đơn vị	Đại diện cấp ủy và CBCC		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CHỨC DANH: TRƯỞNG PHÒNG													
01	Trần Thị Thu Hà	22/07/1982		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	V.07.01.03 bậc 4	Đại học Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Đại học	Trình độ C	89,47%	100,00%	100,00%	
02	Lê Xuân Thiện	01/06/1965		Phó Trưởng phòng - P. TC-HC-TH	01.003 bậc 8	Đại học Điện khí hóa và cung cấp điện	Sơ cấp					100,00%	Đảng ủy bổ sung
03	Nguyễn Ngọc Hiệp	01/01/1973	23/12/2015 23/12/2016	Nhân viên phòng CTCT-HSSV	V.07.01.03 bậc 8	Đại học Cơ khí chế tạo máy	Sơ cấp	Soạn thảo văn bản	Trình độ B	78,95%	100,00%	75,00%	
CHỨC DANH: PHÓ TRƯỞNG PHÒNG													
01	Nguyễn Thị Kim Anh	26/06/1975	04/12/2004 04/12/2005	Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.003 bậc 4	Đại học Kế toán	Sơ cấp		Trình độ B	52,63%	100,00%	100,00%	
02	Trần Thị Thu Hà	22/07/1982		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	V.07.01.03 bậc 4	Đại học Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Đại học	Trình độ C	89,47%	100,00%	100,00%	
03	Huỳnh Văn Hiếu	15/02/1983		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.003 bậc 3	Đại học Kế toán & kiểm toán	Sơ cấp	Trình độ A	Trình độ B	78,95%	100,00%	100,00%	
04	Phan Đức Long	17/07/1974	22/6/2017	Tổ trưởng tổ QL KTX	V.07.01.03 bậc 7	Đại học Kỹ thuật điện và điện tử	Sơ cấp		Trình độ B	63,16%	100,00%	87,50%	
05	Bùi Đức Phước	15/06/1993		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.003 bậc 1	Đại học Giáo dục thể chất				68,42%	100,00%	87,50%	

TT	Họ tên	Ngày/tháng/năm sinh	Ngày vào đảng	Chức vụ hiện tại	Ngạch	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tỷ lệ tham khảo tín nhiệm		Tỷ lệ biểu quyết của tập thể Lãnh đạo nhà trường	Ghi chú
										Tập thể đơn vị	Đại diện cấp ủy và CBCC		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CHỨC DANH: TỔ TRƯỞNG TỔ QUẢN LÝ KÝ TÚC XÁ													
01	Nguyễn Trung Dũng	10/10/1982		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.011 bậc 6	Trung cấp Điện				78,95%	100,00%	100,00%	
02	Bùi Đức Phước	15/06/1993		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.003 bậc 1	Đại học Giáo dục thể chất				73,68%	100,00%	100,00%	
03	Trịnh Tuấn Vũ	10/05/1973		Nhân viên phòng CTCT-HSSV	01.004 bậc 4	Trung cấp An ninh				73,68%	100,00%	87,50%	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH CÁN BỘ - NHÂN VIÊN PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - HỌC SINH SINH VIÊN
ĐƯỢC QUY HOẠCH CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRƯỜNG
ĐẾN NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

TT	Họ tên	Ngày/tháng/năm sinh	Ngày vào đảng	Chức vụ hiện tại	Ngạch	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tỷ lệ tham khảo tin nhiệm		Tỷ lệ biểu quyết của tập thể Lãnh đạo nhà trường	Chức danh quy hoạch	Ghi chú
										Tập thể đơn vị	Đại diện cấp ủy và CBCC			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
01	Trần Thị Thu Hà	22/07/1982		Nhân viên phòng CTCT - HSSV	V.07.01.03 bậc 4	Đại học Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Đại học	Trình độ C	87,50%	75,00%	100,00%	Phó Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc